ĐÀI KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN BẮC BỘ
ĐÀI KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN
TỈNH THANH HÓA
Số TVHV-47/THOA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hóa, ngày 26 tháng 11 năm 2026

BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN VỪA
TỈNH THANH HÓA
(Phát hành ngày 26 tháng 11 năm 2026, năm ngày phát hành một kỳ)

1. Diễn biến tình hình thủy văn từ ngày 21-25/11/2026

Thượng lưu sông Mã, sông Chu và các sông nhánh (sông Âm, Sông Bưởi): Mực nước trên các sông biến đổi chậm.

Hạ lưu sông Mã, sông Chu (vùng sông không ảnh hưởng triều): Mực nước dao động theo vận hành từ các hồ chứa thủy điện, thủy lợi.

Hạ lưu sông Mã (vùng sông ảnh hưởng triều): Mực nước dao động theo thủy triều.

Lưu vực sông Yên: Mực nước dao động theo thủy triều.

Mực nước trung bình tuần tại các trạm phổ biến ở mức cao hơn, riêng hạ lưu sông Mã, sông Chu thấp hơn so với TBNN cùng kỳ.

2. Dự báo, cảnh báo thủy văn từ ngày 26-30/11/2026

Thượng lưu sông Mã, sông Chu và các sông nhánh (sông Âm, sông Bưởi): Mực nước trên các sông biến đổi chậm.

Hạ lưu sông Mã, sông Chu (vùng không ảnh hưởng triều): Mực nước dao động theo vận hành từ các hồ chứa thủy điện, thủy lợi.

Hạ lưu sông Mã (vùng sông ảnh hưởng triều): Mực nước dao động theo thủy triều.

Lưu vực sông Yên: Mực nước dao động theo thủy triều. Mực nước lớn nhất và nhỏ nhất tuần có khả năng xuất hiện vào những ngày đầu tuần.

Khả năng xuất hiện các hiện tượng thủy văn nguy hiểm trong thời hạn dự báo: Chưa có dấu hiệu xuất hiện.

Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội: Ít có tác động.

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 15h55 ngày 01/12/2026

Tin phát lúc: 15h55 ngày 26/11/2026

Dự báo viên: Lê Văn Thắng

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Minh

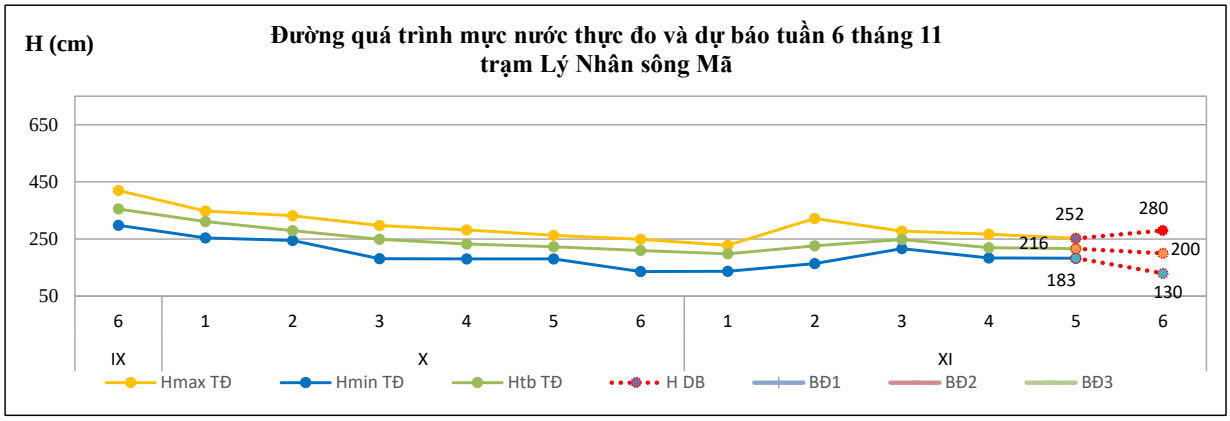
Phụ lục

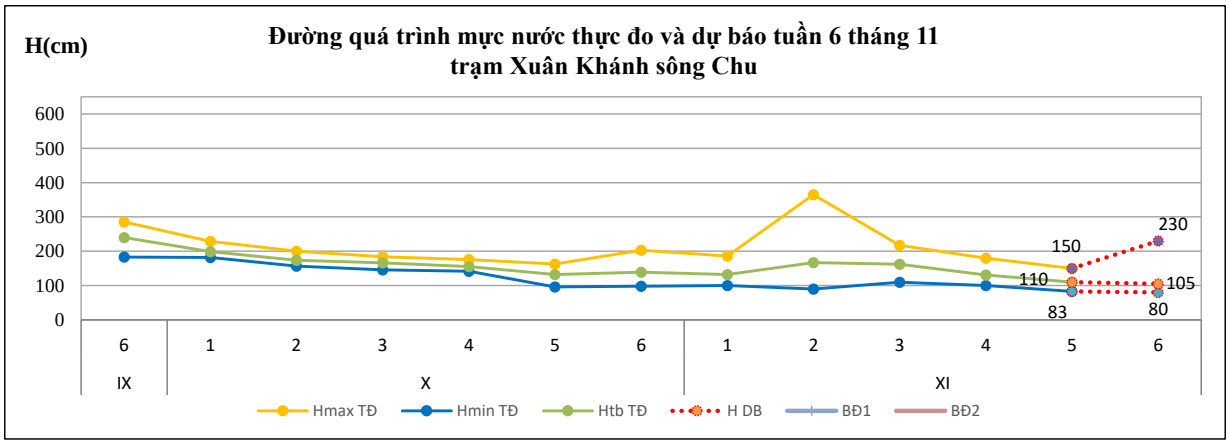
Phụ lục 1: Bảng mực nước thực đo và dự báo

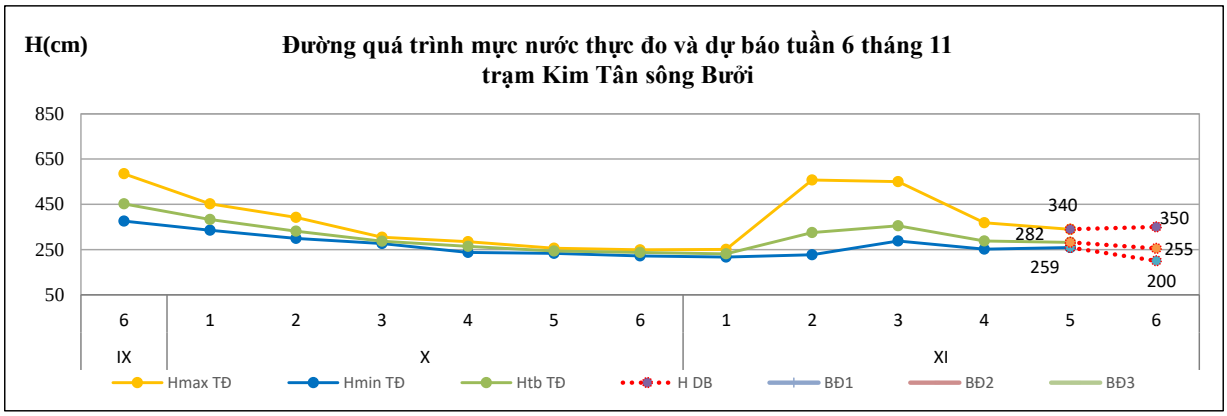
Đơn vị: cm

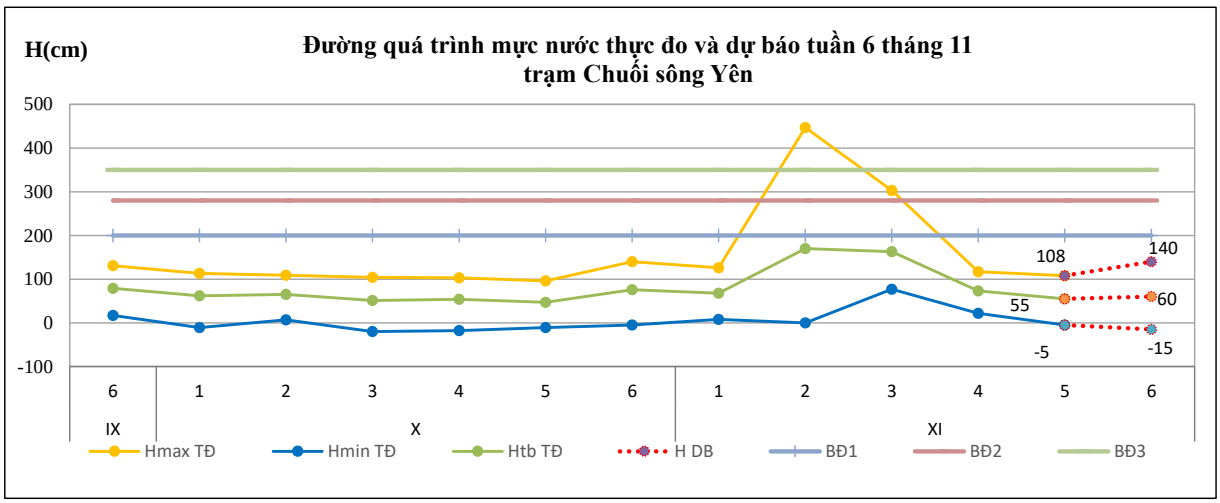
Sông	Trạm	Thực đo 05 ngày qua			Dự báo		
		Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất
Mã	Mường Lát	16478	16495	16455	16445	16520	16400
-	Hồi Xuân	5402	5450	5373	5370	5500	5335
-	Cẩm Thủy	1205	1288	1140	1195	1300	1145
-	Lý Nhân	216	252	183	200	280	130
-	Giàng	49	177	-85	60	230	-95
-	Quảng Châu	30	149	-115	38	195	-120
Lèn	Lèn	94	229	-35	102	270	-50
-	Cụ Thôn	81	203	-44	90	255	-65
Âm	Lang Chánh	4702	4713	4699	4698	4750	4695
Chu	Cửa Đạt	2722	2747	2670	2720	2770	2665
-	Bái Thượng	1079	1125	1019	1070	1155	1020
-	Xuân Khánh	110	150	83	105	230	80
Bưởi	Thạch Quảng	690	718	661	670	750	640
-	Kim Tân	282	340	259	255	350	200
Yên	Chuối	55	108	-5	60	140	-15
-	Ngọc Trà	40	126	-78	48	153	-95

Phụ lục 2: Đường quá trình mực nước thực đo và dự báo






H(cm)
Đường quá trình mực nước thực đo và dự báo tuần 6 tháng 11
trạm Kim Tân sông Bưởi
850
650
450
250
50
340
350
282
255
259
200
6 1 2 3 4 5 6 1 2 3 4 5 6
IX
X
XI
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Htb TĐ
H DB
BĐ1
BĐ2
BĐ3


H(cm)
Đường quá trình mực nước thực đo và dự báo tuần 6 tháng 11
trạm Chuối sông Yên
500
400
300
200
100
0
-100
108
140
55
60
-5
-15
6 1 2 3 4 5 6 1 2 3 4 5 6
IX
X
XI
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Htb TĐ
H DB
BĐ1
BĐ2
BĐ3